TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số 38/2019/DS-PT
Ngày 14/5/2019
V/v *"Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Đặng Kim Nhân

Các Thẩm phán: Ông Phạm Tồn, ông Trần Quốc Cường

- Thư ký phiên tòa: Bà Hoàng Hải An - Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

- Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Thái Văn Đoàn - Kiểm sát viên cao cấp.

Ngày 14 tháng 5 năm 2019, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng mở phiên tòa công khai tại trụ sở để xét xử vụ án dân sự thụ lý số 04/TBTL-TA ngày 03/12/2018 *"Tranh chấp về thừa kế tài sản và yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất"* do bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/DS-ST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình bị kháng cáo. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 363/2019/QĐ-PT ngày 22/4/2019 của Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Ông Trần Văn V, sinh năm 1959;

Địa chỉ liên hệ: thành phố B, tỉnh Đắk Lắk; có mặt.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho ông V là Luật sư Trần Văn Đ, Đoàn luật sư tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

2. Bị đơn:

2.1. Ông Trần Văn T, có mặt;

2.2. Bà Đặng Thị D, vắng mặt;

Cùng trú tại: tỉnh Quảng Bình.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho vợ chồng ông T, bà D là Luật sư Diệp Kiến T, thuộc Văn phòng luật sư K, Đoàn Luật sư tỉnh Quảng Bình, có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

3.1. Ông Trần Văn C; địa chỉ: tỉnh Quảng Bình, vắng mặt;

Ông C ủy quyền cho ông Trần Văn T tại văn bản ủy quyền ngày 09/7/2018, ông T có mặt.

3.2. Ông Trần Văn H; địa chỉ: tỉnh Quảng Bình, vắng mặt;

Ông H ủy quyền cho ông Trần Văn T tại văn bản ủy quyền ngày 09/7/2018, ông T có mặt.

3.3. Ông Trần Văn Q; địa chỉ: tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Ông Q ủy quyền cho ông Trần Văn V tại Giấy ủy quyền ngày 27/7/2018, ông V có mặt.

3.4. Ông Trần Văn C1; địa chỉ: tỉnh Quảng Bình, vắng mặt.

Ông C1 ủy quyền cho ông Trần Văn T theo văn bản ủy quyền ngày 09/7/2018, ông T có mặt.

3.5. Chị Nguyễn Ngọc A (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị M, đã chết); địa chỉ: tỉnh Quảng Bình, chị A ủy quyền cho ông Trần Văn T tại văn bản ủy quyền ngày 9/7/2018, ông T có mặt.

3.6. Ủy ban nhân dân thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Đại diện theo Quyết định ủy quyền số 3996/QĐ - UBND ngày 26/7/2018 của Chủ tịch UBND thành phố Đ là ông Nguyễn Thăng L (Trưởng phòng Phòng Tài nguyên và Môi trường thành phố Đ), có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

3.7. Ủy ban nhân dân phường Đ;

Đại diện theo ủy quyền của Chủ tịch UBND phường là ông Hoàng Ngọc V (Phó chủ tịch UBND phường Đ), có đơn đề nghị Tòa án xét xử vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo Đơn khởi kiện đề ngày 01/01/2017 và quá trình tố tụng, nguyên đơn là ông Trần Văn V và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:

Cha mẹ Ông là cụ Trần K và cụ Hà Thị Y không nuôi con nuôi, không ai có con riêng mà có 09 con chung là bà Trần Thị C (chết lúc còn nhỏ, chưa có chồng con), ông Trần Văn V, ông Trần Văn T, ông Trần Văn C, ông Trần Văn H, ông Trần Văn Q, ông Trần Văn C1, bà Trần Thị M (chết tháng 7/2017 có chị Nguyễn Ngọc A -con nuôi là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng) và ông Trần Văn P (chết năm 2014, không có vợ con). Cụ K chết năm 1996, cụ Y chết năm 1997 đều không để lại di chúc. Di sản 02 cụ để lại là 01 ngôi nhà cấp 4 gắn liền quyền sử dụng 358,9m^2 đất (gồm 150m^2 đất ở và 208,9m^2 đất vườn) thuộc thửa đất số 127, tờ bản đồ số 57, tại Tổ dân phố 1, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình.

Ngày 07/02/2007, tại UBND phường Đ các anh em trong gia đình ký ***Văn bản giải quyết tranh chấp thừa kế*** thống nhất giao toàn bộ đất đai cho ông Trần Văn T đứng tên xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất để làm nơi thờ cúng tổ tiên. Ngày 09/7/2007 tại UBND phường Đ, khi không có mặt ông V thì ông T giả chữ ký của ông V ký vào ***Văn bản phân chia thừa kế tài sản***, nội dung giao toàn bộ 358,9m^2 đất cho ông T. Sau đó, ông T sử dụng ***Văn bản phân chia thừa kế tài sản*** nêu trên xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ 358,9m^2 đất (150m^2 đất ở và 208,9m^2 đất vườn) thửa số 127, tờ bản đồ 57, tổ dân phố số 1 phường Đ, thành phố Đ nên UBND thành Đ đã cấp ***Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất*** (số vào sổ cấp GCN: H 02398) ngày 04/3/2008 cho ông Trần Văn T và vợ là bà Đặng Thị D đối với toàn bộ diện tích 347m^2 (vợ chồng ông T xin cấp đổi lại ***Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất*** số RN 770261, ngày 31/12/2013 đối với diện tích 358,9m^2, trong đó đất

ở đô thị là 150m^2 và đất trồng cây lâu năm là 208,9m^2). Hiện tại, vợ chồng ông T đã tháo dỡ nhà của cha mẹ để lại, xây dựng nhà 02 tầng kiên cố và 01 nhà cấp 4 (để cho ông Trần Văn P ở khi còn sống). Nay, Ông V khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà vợ chồng ông T được cấp nêu trên; yêu cầu chia thừa kế di sản của cha mẹ là ngôi nhà trên diện tích 358,9m^2 đất, đồng thời yêu cầu được nhận bằng hiện vật vì Ông chưa có nhà ở; ngày 21/8/2017 nguyên đơn rút yêu cầu khởi kiện chia giá trị ngôi nhà cũ của cha mẹ (vì nhà này ông T đã tháo dở), giữ nguyên yêu cầu chia thừa kế quyền sử dụng đất.

- *Bị đơn là vợ chồng ông Đặng Văn T, bà Đặng Thị D* thống nhất với trình bày của nguyên đơn về quan hệ huyết thống, thời điểm Cụ K, cụ Y chết, cũng như nguồn gốc thửa đất 127. Tuy nhiên, ông T cho rằng do các anh chị đều lập gia đình có nhà ở ổn định nơi khác, ông là con út sống với cha mẹ nên khi còn sống cha mẹ đã thống nhất để lại toàn bộ nhà đất cho Ông sau khi cha mẹ chết. Sau khi cha mẹ chết, thực hiện ý nguyện của cha mẹ, các anh chị em họp vào ngày 07/02/2007, thống nhất chia đất của cha mẹ thành 2 phần, một phần cho Ông, còn 1 phần cho ông P (bị bệnh), nhưng trước tiên giao cho Ông làm thủ tục đứng tên toàn bộ thửa đất, khi nào ông P lập gia đình riêng thì Ông có nghĩa vụ tách sổ đỏ cho ông P. Tiếp đó, ngày 09/7/2007, các anh chị em (thiếu ông V) có mặt tại UBND phường Đ cùng nhau ký *Văn bản phân chia thừa kế tài sản*, nội dung để lại toàn bộ nhà đất do cha mẹ để lại cho vợ chồng Ông; tuy cuộc họp lần này ông V vắng mặt, nhưng ý chí của ông V trước đó đồng ý cho Ông toàn bộ tài sản nên Ông T đã ký thay chữ ký ông V trong *Văn bản phân chia thừa kế tài sản*. Nay ông V khởi kiện yêu cầu chia di sản thừa kế và yêu cầu hủy giấy chứng nhận đã cấp cho vợ chồng Ông thì Ông không đồng ý vì ý nguyện của cha mẹ lúc sinh thời là cho Ông toàn bộ nhà đất đã được tất cả các anh chị em đồng ý.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn C, ông Trần Văn H, ông Trần Văn C1, chị Nguyễn Ngọc A (con của bà Trần Thị M, là người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Mân sau khi bà Mân chết) trình bày:* Thống nhất với trình bày của nguyên đơn về số con của vợ chồng Cụ K, cụ Y, về thời điểm Cụ K, cụ Y chết và nguồn gốc thửa đất hiện nay có tranh chấp. Sau khi các anh chị trưởng thành và có cuộc sống tự lập ở nơi khác, vợ chồng ông T là người đã đóng góp công sức nhiều nhất trong việc chăm sóc, phụng dưỡng cha mẹ. Trước đây, khi ông P còn sống, các anh chị em đều thống nhất chia đất của cha mẹ cho vợ chồng ông T và ông P, trước mắt để vợ chồng ông T đứng tên; do ông P bị bệnh đau ốm thường xuyên nên ông T có nghĩa vụ chăm lo cho ông P, khi nào ông P lập gia đình riêng sẽ giao đất cho ông P xây dựng nhà cửa. Sau đó ông P bệnh nặng và chết khi chưa kịp có gia đình thì vợ chồng ông T đã chăm lo chu toàn cho ông P lúc còn sống và xây dựng nhà cho ông P, khi ông P chết vợ chồng ông T lo đám tang và xây lăng mộ. Vì vậy, các Ông Bà và chị Ân không đồng ý với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông V cũng như không đồng ý với yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản gắn liền với đất đã cấp cho vợ chồng ông T vì ông T xứng đáng được thừa hưởng toàn bộ di sản của cha mẹ để lại, trong trường hợp phải chia thì họ đều nhường kỷ phần thừa kế mà họ được hưởng cho ông T.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là ông Trần Văn Q* thống nhất với yêu cầu chia di sản thừa kế của ông V, nhường kỷ phần mình được hưởng cho ông Trần Văn V.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện UBND phường Đ trình bày:* Trên cơ sở ***Văn bản họp gia đình*** ngày 07/02/2007 các anh em trong gia đình đã thống nhất để ông T được đứng tên làm thủ tục xin cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất đối với toàn bộ diện tích đất cha mẹ để lại, đợi đến lúc ông P có gia đình riêng thì sẽ tách thửa cho ông P. Đến ngày 09/7/2007, lại có ***Văn bản phân chia di sản thừa kế*** lập lúc ông Trần Văn V đã đi nước ngoài; nhưng do tin tưởng nội bộ gia đình và trên tinh thần đã thống nhất tại ***Văn bản họp gia đình*** ngày 07/02/2007 nên cán bộ Tư pháp phường Đ thiếu kiểm tra phải có mặt cả 08 người con Cụ K, cụ Y nên đã tham mưu cho lãnh đạo UBND phường Đ ký xác nhận vào ***Văn bản phân chia di sản thừa kế*** nên đây là sai sót của UBND phường Đ trong khi thực hiện thủ tục hành chính. Tuy nhiên, ***Văn bản họp gia đình*** và ***Văn bản phân chia di sản thừa kế*** không có sự khác biệt nhiều về nội dung phân chia di sản của vợ chồng Cụ K, cụ Y nên UBND phường Đ cho rằng việc hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mang tên vợ chồng ông T, bà D là không cần thiết.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan là đại diện UBND thành phố Đ trình bày:* Tất cả 8 người con của Cụ K, cụ Y đều thống nhất thừa nhận thửa đất số 127, tờ bản đồ số 57, diện tích 358,9m^2 tại tổ dân phố 1, phường Đ là di sản của hai cụ để lại. Việc UBND thành phố Đ cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và các tài sản khác gắn liền với đất cho vợ chồng ông T, bà D đối với thửa đất 127 nêu trên là đúng pháp luật vì có ***Văn bản phân chia thừa kế*** được UBND phường Đ chứng thực.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017 ngày 21/9/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định (tóm tắt): *(i).* Đình chỉ xét xử đối với yêu cầu chia di sản thừa kế là giá trị ngôi nhà cũ của vợ chồng Cụ K, cụ Yên; *(ii).* Chấp yêu cầu khởi kiện của ông V về chia thừa kế di sản đối với diện tích đất 155,55 m^2 (phần trước đây giao cho ông P nay ông P đã chết), giao toàn bộ hiện vật cho ông Trần Văn T; ông T thanh toán bằng giá trị cho kỷ phần ông V được hưởng; *(iii).* Không chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn yêu cầu hủy Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND thành phố Đ đã cấp cho vợ chồng ông T.

- Ông V kháng cáo yêu cầu chia di sản của cha mẹ là toàn bộ 358,9m^2 đất và yêu cầu được chia hiện vật để làm nhà ở vì hiện tại ông không có nhà ở.

- Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 69/2018/DS-PT ngày 23/5/2018, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng quyết định hủy bản án sơ thẩm; giao hồ sơ cho Tòa án cấp sơ thẩm giải quyết lại với nhận định (tóm tắt): *(i).* Ông V yêu cầu chia di sản thừa kế của cha mẹ là toàn bộ diện tích 358,9m^2 đất; Tòa án cấp sơ thẩm mới chia 155,55m^2 đất, còn 203,35m^2 đất chưa xác định đã thuộc quyền sử dụng của ông T hay vẫn là di sản thừa kế là chưa giải quyết triệt để vụ án; *(ii).* Ông V yêu cầu được chia hiện vật là đất để làm nhà ở, Tòa án cấp sơ thẩm áp dụng Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 14/10/2014 của UBND tỉnh Quảng Bình *(về diện tích đất tối thiểu khi tách thửa)* để không chia hiện vật cho ông V là không đúng vì Quyết định này không áp dụng trong trường hợp có bản án hoặc quyết định của Tòa án; hơn nữa nếu chia kỷ phần đất thì diện tích đất ông V được hưởng là 44,45m^2 cũng

là lớn hơn diện tích đất tối thiểu tách thửa theo Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 14/10/2014; do đó, cần chia hiện vật cho ông V; *(iii)*. Tòa án cấp sơ thẩm chưa giải quyết yêu cầu của ông V về số tiền ông V đã nộp để thẩm định giá.

- Sau khi Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình thụ lý lại vụ án:

+ Nguyên đơn (ông V) có Đơn trình bày cụ thể các yêu cầu khởi kiện như sau: Yêu cầu chia thừa kế di sản của cha mẹ là toàn bộ diện tích 358,7m^2 đất; yêu cầu hủy giấy chứng nhận quyền sử dụng đất mà UBND thành phố Đ đã cấp cho vợ chồng ông T ngày 31/12/2013; yêu cầu được chia hiện vật là đất để làm nhà ở vì hiện nay ông V đang làm thuê tại tỉnh Đắk Lắk và chưa có nhà ở; yêu cầu ông T trả lại tiền thẩm định mà ông V đã nộp tại Tòa án nhân dân thành phố Đ. Ngày 24/7/2018, ông V có Đơn đề nghị Tòa án tiến hành thẩm định lại giá trị quyền sử dụng đất nên ngày 17/8/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình đã tiến hành xem xét, thẩm định tại chỗ và định giá lại đất.

+ Tại Đơn trình bày ngày 04/7/2018, ông Trần Văn C, ông Trần Văn H, ông Trần Văn C1, chị Nguyễn Ngọc A (người kế thừa quyền và nghĩa vụ tố tụng của bà Trần Thị M) chỉ đồng ý chia di sản thừa kế của vợ chồng Cụ K là 155m^2 đất trước đây chia cho ông P, đồng thời nhường kỷ phần họ được hưởng cho vợ chồng ông T để làm nơi thờ cúng tổ tiên.

- Tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/DS-ST ngày 22/11/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình quyết định:

Căn cứ khoản 5 (Điều 50 Luật Đất đai 2003; Điều 236; Điều 623, Điều 649, Điều 651, Điều 652, Điều 656 Bộ luật Dân sự, Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật Tố tụng dân sự 2015; Căn cứ Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 xử:

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của anh Trần Văn V.

Giữ nguyên GCNQSD đất số: AI 996312 và ranh giới tiếp giáp của thửa đất mà UBND thành phố Đ cấp cho anh Trần Văn T Đặng Thị D năm 2008 tại thửa đất số 30; tờ bản đồ 63; diện tích 347m^2, có địa chỉ tại Tiểu khu 1 phường Đ, thành phố Đ và GCNQSD đất QSH nhà ở và tài sản khác được cấp đổi ngày 31/12/2013 tại thửa số 127, tờ bản đồ 57; diện tích 358,9m^2 (trong đó 150m^2 đất ở và 208,9m^2 đất trồng cây hàng năm) trên diện tích đất có ngôi nhà 2 tầng của anh T chị Dung và 1 ngôi nhà cấp 4 (có sơ đồ kèm theo). Anh Trần Văn T chị Đặng Thị D có trách nhiệm giao cho anh Trần Văn V 100,1 m^2 đất (trong đó 42,8m^2 đất ở, 57,3m^2 đất vườn) trị giá: 86.343.640đ.

2. Không chấp nhận yêu cầu của anh Vững về nội dung chia thừa kế ngôi nhà cấp 4 của Cụ K, cụ Y vì hiện nay không còn, không thể định giá được.

Về chênh lệch định giá tài sản ngôi nhà của ông P tại biên bản định giá ngày 06/6/2017 và ngày 17/8/2018 Tòa án không có cơ sở xem xét.

3. Về án phí: Căn cứ khoản 1 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015; Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp quản lí và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, đơn khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên nguyên đơn ông V không phải chịu án phí DSDT. Trả lại cho ông số tiền tạm ứng án phí 4.500.000đ mà ông đã nộp tại biên lại thu tiền tạm ứng án số 0000354 ngày 06/02/2017 tại Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Đ và số tiền 300.000 đ tiền tạm ứng án phí phúc thẩm tại biên lai thu tiền tạm

ứng án phí phúc thẩm ngày 22/9/2017 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình số AA /2017/0005012.

Số tiền chi phí cho hội đồng định giá ngôi nhà cấp 4 của Cụ K cụ Y để lại hiện nay không còn, không thể định giá được, Hội đồng xét xử không chấp nhận nên ông V phải chịu là 1.200.000đ đã chi phí hết.

Anh Trần Văn T chị Đặng Thị D phải chịu 300.000đ tiền án phí dân sự sơ thẩm và có trách nhiệm trả lại cho anh Vững số tiền thẩm định, định giá ngày 17/8/2018 là 2.800.000đ. Ngoài ra, anh T và chị Dung phải chịu 1.600.000 đồng tiền thẩm định, định giá ngày 06/6/2017 tại Toà án nhân dân thành phố Đ. Số tiền này anh Vững đã nộp cho Toà án, do đó anh T và chị Dung có trách nhiệm trả lại cho anh Vững 1.600.000 đồng.

- Ngày 25/11/2018, ông Trần Văn V kháng cáo với các lý do: *(i).* Tòa án cấp sơ thẩm không chia hiện vật cho ông với lý do diện tích đất ông được hưởng kỷ phần từ việc chia thừa kế không đủ diện tích tối thiểu để tách thửa là không đúng: *(ii).* Yêu cầu xem xét số tiền 1.200.000 đồng mà Ông đã nộp tạm ứng chi phí thẩm định giá sơ thẩm.

- Tại Quyết định số 3038/QĐKNPT-VKS-DS ngày 06/12/2018, Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình kháng nghị Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/DS-ST ngày 22/11/2018 nêu trên của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình với các lý do: *(i).* Nguyên đơn có yêu cầu được chia hiện vật và hiện tại không có nhà ở, nhưng Tòa án tỉnh Quảng Bình không chia hiện vật cho nguyên đơn là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự; *(ii).* Bị đơn (ông T) có công quản lý di sản thừa kế, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm không trích công sức bảo quản, tôn tạo di sản cho ông T là vi phạm quy định tại Điều 616, 618 Bộ luật dân sự; *(iii).* Tranh chấp chia di sản thừa kế xác định được bằng một số tiền cụ thể nên phải tính án phí vụ án dân sự có giá ngạch, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tính án phí không có giá ngạch là không đúng quy định tại khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH11 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

- Tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay:

+ Phía nguyên đơn (ông V) giữ nguyên yêu cầu khởi kiện và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo;

+ Phía bị đơn (ông T) đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm bác kháng cáo của nguyên đơn và Kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Quảng Bình, giữ nguyên bản án sơ thẩm; đồng thời có ý kiến nếu Tòa án cấp phúc thẩm không giữ nguyên bản án sơ thẩm thì cũng đề nghị tính công sức bảo quản, tôn tạo di sản cho Ông.

+ Đại diện Viện kiểm sát phát biểu quan điểm giải quyết vụ án:

Về tố tụng: Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự;

Về nội dung: Tòa án cấp sơ thẩm không chia hiện vật cho nguyên đơn là vi phạm quy định tại khoản 2 Điều 660 Bộ luật dân sự; Tòa án cấp sơ thẩm không trích công sức bảo quản, tôn tạo di sản cho ông T là vi phạm quy định tại Điều 616, 618 Bộ luật dân sự; Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tính án phí không giá ngạch là không đúng; vì vậy, đề nghị cấp phúc thẩm hủy bản án sơ thẩm, giao hồ sơ về cấp sơ thẩm

giải quyết lại.

- Căn cứ tài liệu, chứng cứ đã được thẩm tra tại phiên tòa; căn cứ việc hỏi và tranh luận; căn cứ ý kiến của những người tham gia tố tụng và ý kiến của vị đại diện cho Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tại phiên tòa.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1]. Vợ chồng cụ Trần K, cụ Hà Thị Y không nuôi con nuôi, không ai có con riêng và hai cụ sinh được 09 người con gồm: Bà Trần Thị C (chết lúc nhỏ, chưa có chồng con); ông Trần Văn V; ông Trần Văn T; ông Trần Văn C; ông Trần Văn H; ông Trần Văn Q; ông Trần Văn C1; bà Trần Thị M (chết tháng 7/2017, người kế thừa quyền, nghĩa vụ tố tụng là chị Nguyễn Ngọc A) và ông Trần Văn P (chết năm 2014, không có vợ con). Cụ Trần K chết năm 1996 và cụ Hà Thị Y chết năm 1997, đều không để lại di chúc.

[2]. Nội dung Công văn số 136/CV-UBND ngày 13/8/2018 của UBND phường Đ, Công văn số 1421/UBND - TNMT ngày 10/7/2017 của UBND thành phố Đ và các đương sự trong vụ án đều thừa nhận nguồn gốc thửa đất {số 30, tờ bản đồ 63, diện tích 347m^2; sau cấp đổi thành thửa số 127, tờ bản đồ 57 diện tích 358,9m^2, tại Tổ dân phố số 1, phường Đ, thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình mà vợ chồng ông Trần Văn T, bà Đặng Thị D được UBND thành phố Đ cấp *Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất* số BN770261 ngày 31/12/2013} có nguồn gốc do vợ chồng Cụ K, cụ Y tạo lập, để lại.

[3]. Nguyên đơn (ông V) khởi kiện cho rằng toàn bộ 358,9m^2 đất, tại thửa số 127 nêu trên là di sản của cha mẹ nên yêu cầu chia. Trong khi đó, ông T cho rằng ông là con út sống với cha mẹ, còn các anh chị em đều lập gia đình ở riêng nơi khác nên khi còn sống cha mẹ đã ý nguyện để lại toàn bộ nhà đất cho Ông quản lý làm nơi thờ cúng. Sau khi cha mẹ chết thì ngày 07/02/2007 tất cả anh chị em đã thống nhất chia đất của cha mẹ thành 2 phần, một phần cho Ông, còn 1 phần cho ông P (ông P bị bệnh), đồng thời giao cho Ông làm thủ tục đứng tên toàn bộ thửa đất, khi nào ông P lập gia đình riêng thì Ông có nghĩa vụ tách sổ đỏ cho ông P; do đó, ông T không đồng ý chia thừa kế theo yêu cầu khởi kiện của ông V.

[4]. Tại ***Biên bản giải quyết tranh chấp đất thừa kế*** do đủ 8 con của vợ chồng Cụ K lập và ký ngày 07/02/2007 tại UBND phường Đ (bút lục 587) ghi: *"Bước 1: Anh T và anh em trong gia đình thống nhất mảnh đất đó làm thẻ đỏ cho anh T. Sau khi được Nhà nước cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất cho thửa đất đó; Bước 2: Cả tám anh em trong gia đình thống nhất khi anh P có điều kiện xây dựng gia đình và sức khỏa ổn định thì 8 anh chị em ùng với anh T làm thủ tục tách thẻ đỏ cho anh P theo nguyện vọng của anh P…Anh T sau khi có trách nhiệm xây dựng nhà ở thờ phụng hương khói ông bà cùng với sự giúp đỡ của tất cả các anh chị em. Sau khi tháo nhà tự đường anh T chủ trì dùng vật liệu nhà từ đường xây cho anh P một căn nhà tùy theo mức độ tài chính và có sự giúp đỡ của anh em trên diện tích đất đã được phân định ở phần trên ở kết luận này. Anh T phải có trách nhiệm giúp đỡ chăm lo cho anh P trong cuộc sống và có sự đóng góp tham gia của anh chị em"*. Xét, nội dung ***Biên bản giải quyết tranh chấp đất thừa kế*** nêu trên chỉ thể hiện các con của vợ chồng Cụ K đồng ý chia cho ông P một phần

đất, phần đất còn lại giao cho ông T quản lý dùng vào việc thờ cúng mà không phải là cho ông T toàn quyền sử dụng diện tích đất này; còn ***Văn bản phân chia thừa kế tài sản*** lập ngày 09/7/2007 tại UBND phường Đ có nội dung các con của vợ chồng Cụ K thống nhất để lại toàn bộ di sản cho ông T, nhưng ông T thừa nhận *"ông T đã ký thay"* chữ ký của ông V trong Văn bản. Vì các lý do trên, tại Bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/DS-ST ngày 22/11/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xác định toàn bộ 358,9m^2 đất, thuộc thửa số 127 nêu trên, hiện do vợ chồng ông Trần Văn T quản lý, sử dụng là di sản thừa kế của vợ chồng Cụ K, cụ Y là có cơ sở, đúng pháp luật và sau khi xét xử sơ thẩm các đương sự trong vụ án không kháng cáo về vấn đề này.

[5]. Đối với yêu cầu được chia kỷ phần thừa kế bằng hiện vật của ông V thì Tòa án cấp phúc thẩm xét thấy:

[5.1]. Điều 685 Bộ luật dân sự 2005, Điều 660 Bộ luật dân sự 2015 quy định *"2. Những người thừa kế có quyền yêu cầu phân chia di sản bằng hiện vật; nếu không thể chia đều bằng hiện vật thì những người thừa kế có thể thỏa thuận về việc định giá hiện vật và thỏa thuận người nhận hiện vật…"*. Theo nội dung Công văn số 156/UBND ngày 23/11/2017 của Ủy ban nhân dân phường Đ (bút lục 592) và nội dung ***Biên bản xác minh*** lập ngày 27/11/2017 tại Công an phường EaTam, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk (bút lục 591) thì trước đây vợ chồng ông V có hộ khẩu và có nhà ở tại thành phố Đ, tỉnh Quảng Bình; nhưng ông V đã ly hôn, bán nhà và ông V hiện làm lái xe, đang đăng ký tạm trú tại nhà trọ ở thành phố B, tỉnh Đắk Lắk và trong nhiều vòng tố tụng ông V có nguyện vọng tha thiết được chia hiện vật để tuổi già về sinh sống tại quê hương Quảng Bình. Diện tích đất là di sản thừa kế của vợ chồng Cụ K là 358,9m^2 đất; hàng thừa kế thứ nhất di sản của vợ chồng Cụ K (do 02 người con của vợ chồng Cụ K chết không có thừa kế thế vị) nên hiện gồm 07 người; ông V được nhận 02 kỷ phần thừa kế (01 kỷ phần của ông V, 01 kỷ phần được ông Q nhường) nên Tòa án cấp sơ thẩm đã tính toán chia đều bằng hiện vật thì ông V được nhận 100,1m^2 đất.

[5.2]. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 09/2017/DS-ST ngày 21/9/2017, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình không chia hiện vật cho ông V nên ông V kháng cáo. Tại Bản án dân sự phúc thẩm số 69/2018/DS-PT ngày 23/5/2018, Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đã hủy bản án sơ thẩm; giao hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết sơ thẩm lại theo hướng phải chia hiện vật cho ông V vì: Quyết định số 25/2014/QĐ-UBND ngày 14/10/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình *(quy định diện tích đất tối thiểu để tách thửa là 40m^2)* chỉ áp dụng cho 3 trường hợp quy định tại các khoản 3, 6, 7 của Điều 6 mà không áp dụng đối với bản án hoặc quyết định của Tòa án; hơn nữa, nếu xác định di sản thừa kế của vợ chồng Cụ K là 155,55m^2 đất thì ông V nhận 02 kỷ phần (01 kỷ phần ông V được hưởng, 01 kỷ phần được ông Q nhường) thì diện tích ông V được chia là 44,45m^2 là vượt diện tích tối thiểu được phép tách thửa.

[5.3]. Tại bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/DS-ST ngày 22/11/2018, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình xác định toàn bộ diện tích 358,9m^2 đất là di sản thừa kế của vợ chồng Cụ K, nếu chia hiện vật thì ông V được nhận 100,1m^2 đất; nhưng áp dụng Quyết định số 23/2017/QĐ-UBND ngày 13/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình (Điều 3, Khoản 3 quy định: *"b. Đất do hộ gia đình, cá nhân sử dụng:*

Diện tích tối thiểu được phép tách thửa phải bảo đảm các thửa đất được hình thành sau khi tách thửa có diện tích tối thiểu là mỗi thửa 30m^2, cạnh nhỏ nhất phải lớn hơn hoặc bằng 4m" để không chia hiện vật cho ông V cũng là không đúng: Vì quy định trên không áp dụng đối với trường hợp *"Tách thửa theo quyết định, bản án có hiệu lực pháp luật;…"* (quy định tại Điều 1 Khoản 2 mục d của Quyết định 23/2017/QĐ-UBND); Mặt khác, Quyết định số 23/2017/QĐ-UBND ngày 13/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình có giá trị pháp lý xếp sau Bộ luật dân sự và trong thực tế mình ông T đang sử dụng toàn bộ 358,9m^2 đất, với cạnh tiếp giáp đường giao thông nông thôn là 13,56m, nên nếu áp dụng Quyết định số 23/2017/QĐ-UBND ngày 13/7/2017 của Ủy ban nhân dân tỉnh Quảng Bình thì có thể chia hiện vật cho ông V với cạnh nhỏ nhất không nhất thiết phải là 3,86m như tính toán của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình.

Vì những lý do nêu từ mục [5.1] đến [5.3] nêu trên, cấp phúc thẩm xét thấy cần hủy bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/DS-ST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình; giao hồ sơ cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết sơ thẩm lại theo hướng chia hiện vật cho ông Trần Văn V.

[6]. Ông Trần Văn T là người có công quản lý di sản thừa kế từ năm 1997 đến nay và tại phiên tòa phúc thẩm hôm nay ông T có nguyện vọng nếu Tòa án cấp phúc thẩm không giữ nguyên bản án sơ thẩm thì đề nghị tính công sức bảo quản, tôn tạo di sản cho ông T; do đó, khi về giải quyết lại vụ án, Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình cần căn cứ quy định tại Điều 616, 618 Bộ luật dân sự 2015 tính công sức quản lý di sản cho ông T.

[7]. Tranh chấp trong vụ án là chia di sản thừa kế xác định được bằng một số tiền cụ thể nên phải tính án phí sơ thẩm vụ án dân sự có giá ngạch và "*mỗi bên đương sự phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo mức tương ứng với giá trị phần tài sản mà họ được chia, được hưởng trong khối tài sản chung hoặc trong khối di sản thừa kế"*, nhưng Tòa án cấp sơ thẩm chỉ tính án phí vụ án dân sự không có giá ngạch là không đúng quy định tại khoản 7 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH11 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

[8]. Do bản án sơ thẩm bị hủy nên theo quy định tại khoản 3 Điều 29 Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án thì ông V không phải chịu án phí phúc thẩm nên ông V được hoàn lại số tiền tạm ứng án phúc thẩm đã nộp.

Từ những phân tích trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Khoản 3 Điều 308 và Khoản 1 Điều 310 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/NQ-UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án, tuyên xử:

1. Hủy bản án dân sự sơ thẩm số 20/2018/DS-ST ngày 22/11/2018 của Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình;

2. Chuyển hồ sơ vụ án cho Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình giải quyết sơ thẩm lại theo đúng quy định của pháp luật;

3. Án phí phúc thẩm: Ông Trần Văn V không phải chịu án phí dân sự phúc thẩm nên được hoàn trả 300.000 đồng (ba trăm ngàn đồng) tiền tạm ứng án phí phúc thẩm đã nộp tại Biên lai thu tiền số AA/2017/0005111 ngày 27/11/2018 tại Cục thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- Vụ pháp chế Tòa án nhân dân tối cao;
- Các đương sự (theo địa chỉ);
- Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng;
- Tòa án nhân dân tỉnh Quảng Bình (kèm hồ sơ vụ án để giải quyết sơ thẩm lại);
- Cục Thi hành án dân sự tỉnh Quảng Bình (để thi hành);
- Lưu: Phòng lưu trữ; hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Đặng Kim Nhân